

CÔNG GIÁO CHÍNH SỬ

Trần Chung Ngọc



đăng ngày 21 tháng 10, 2007

Các bài trong tập này: [1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#) [11](#) [12](#)

CHƯƠNG VI

HỌC THUẬT GIA TÔ

(Catholic scholarship)

Tới đây tôi đã trình bày sơ lược những sự kiện lịch sử không thể phản bác về lịch sử giáo hội Gia Tô từ ngày đầu cho tới ngày nay. Tôi cũng đã chứng minh rằng, sở dĩ Giáo hội Gia Tô La Mã có một lịch sử đen tối như vậy là vì giáo hội đã reo rắc một niềm tin sai lạc, dựa vào quyền năng của Thánh Kinh, trong đó có rất nhiều điều sai lầm, phi luân lý, phi đạo đức, của thời bán khai, vào trong đầu óc của các tín đồ. Giáo hội đã vận dụng tối đa "học thuật Gia Tô" để cho thế giới quên đi lịch sử đen tối, đẫm máu của Giáo hội, đồng thời đưa vào đầu óc tín đồ một hình ảnh trái ngược hẳn với hình ảnh thực sự của Giáo hội. Học thuật Gia Tô (Catholic scholarship) bao gồm những lý thuyết Thần học mơ hồ để bảo vệ đức tin Gia Tô, chủ yếu nhằm vào giới trí thức; những sách lược tuyên truyền về "những cái hay" nhưng sai tự thực của Giáo hội để thu hút và giữ tín đồ; những tín lý vô căn cứ của Giáo hội đưa ra để duy trì quyền lực tự phong của giới lãnh đạo Gia Tô. Ngoài ra, Giáo hội cũng còn dùng mỗi "phong Thánh" cùng tạo ra những cái gọi là "phép lạ" để khai thác triệt để lòng mê tín dị đoan của đám đông tín đồ đầu óc vốn yếu kém, mù mịt. Đề tài này sẽ được bàn tới trong một chương riêng biệt. Học thuật Gia Tô thành công vì Giáo hội đã đào tạo được một lớp cán bộ truyền giáo trung kiên (linh mục), kiến thức thực sự không có là bao, nhưng rất hữu hiệu trong vấn đề uốn nắn đầu óc giáo dân ngay từ lúc sơ sinh vào một niềm tin mù quáng, không cần biết, không cần hiểu, và nhất là tuyệt đối theo lệnh của Vatican, vì tin rằng Giáo hoàng nắm giữ chìa khóa mở cửa Thiên đường. Giáo hội vẫn tự nhận là một Hội Thánh "thánh thiện", và tín đồ cũng tin như vậy. Chúng ta có thấy trên thế gian một tôn giáo "không thánh thiện" nào khác mà có một lịch sử truyền đạo một cách tàn ác, bất nhân đối với nhân loại như là Giáo hội "thánh thiện" Gia Tô La Mã không? Một luận cứ Giáo hội thường dùng ngày nay để bào chữa cho cái lịch sử đen tối của Giáo hội và lạc dẫn dư luận thế giới là: "Đó là những chuyện lịch sử xa xưa, nhắc lại làm chi. Ngày nay Giáo hội đã văn minh, không còn những cuộc Thánh Chiến, đã bãi bỏ những tòa hình án xử dị giáo, đâu có làm gì xấu ác. Trái lại Giáo hội đã tham gia vào bao nhiêu việc thiện trên thế giới, tranh đấu cho nhân quyền, dân chủ v...v..." Tôi đồng ý là giáo hội ngày nay không còn giết người như trong các cuộc Thánh chiến và các tòa hình án xử dị giáo. Nhưng cái tinh thần Thánh chiến và tòa hình án vẫn không thay đổi bao nhiêu, trong chính giáo hội mẹ, và trong những giáo hội con với sự đồng ý của giáo hội mẹ. Thực ra thì qua bao thế kỷ nhân loại đã văn minh hóa Gia Tô giáo nên giáo hội không còn quyền lực và khả năng để giết người bừa bãi như trước nữa. Nhưng những việc làm của giáo hội cho tới ngày nay vẫn không sáng sửa chút nào, vẫn trực tiếp hay gián tiếp dính líu vào những chính sách độc tài với tinh thần Thánh chiến và Tòa hình án xử dị giáo của những chế độ độc tài, phát xít ở các nơi trên thế giới như ở Nam Mỹ, Croatia, Nam Việt Nam, Tây Ban Nha, Mễ Tây Cơ, Đức, Ý v...v... Những vụ dính líu này càng ngày càng được phơi bày ra ánh sáng. Chúng ta hãy đọc vài sự kiện trong lịch sử thế giới cận đại (Joseph L. Daleiden, Ibid., trg. 61-62): "Cố gắng dập tắt mọi sự chống đối các giáo hoàng và cái điều ám ảnh họ về sự duy trì quyền thống trị của giáo hội Gia Tô vẫn tiếp tục qua các thời đại. Tuy nhiên, trong thế kỷ này, nó có tính chất của một hành động bảo toàn lực lượng mà giáo hội dùng để bảo vệ cái quyền lực đang suy giảm của mình bằng cách liên minh với bất cứ ai mà có lợi. Sự hợp tác của các giáo hoàng với những chính quyền phát xít ở Âu Châu và Nam Mỹ cho thấy những biện pháp cực đoan ô nhục mà các giáo hoàng dùng để bảo tồn địa vị của họ. Giáo hội chống cuộc chiến đấu giành độc lập của Mễ

hoàng dương để bảo tồn địa vị của họ. Giáo hội chống cuộc chiến đấu giành độc lập của Mĩ Tây Cơ và tuyệt thông các lãnh tụ của họ. Sau đó giáo hội chống lại sự thành lập hệ thống cộng hòa liên bang và phản đối mạnh mẽ nguyên tắc tự do tín ngưỡng trong hiến pháp Mĩ Tây Cơ. Năm 1930 chính quyền hợp hiến ở Á Căn Đình bị lật đổ và một chế độ độc tài phát xít được thiết lập với tình trạng thiết quân luật. Vì chế độ mới tuyên bố trung thành với GiaTô giáo, họ được giáo hội ủng hộ mau chóng. Năm 1936 giáo hoàng nồng nhiệt liên minh với nhà độc tài phát xít Francisco Franco ở Tây Ba Nha trong nỗ lực dẹp quân phiến loạn Tây Ban Nha. Franco thưởng lại bằng cách thiết lập giáo hội GiaTô làm quốc giáo (Quyền lợi này bị bãi bỏ khi nhà độc tài Franco chết và một hiến pháp dân chủ được chấp thuận năm 1978.) Tuy nhiên, sự liên minh với Franco chỉ là một chuyện ngoài lề qua vai trò mà giáo hội sẽ đóng trong sự khởi giậy và củng cố quyền lực của Hitler và Mussolini, một vai trò mà các giáo hoàng muốn chúng ta đều quên đi. Giáo hoàng Pius XI ký một thỏa ước và hiệp định Lateran với Mussolini năm 1929, và gọi Mussolini là "người Thượng Đế gửi xuống". Bốn năm sau, đại sứ của giáo hoàng là Pacelli, sau trở thành giáo hoàng Pius XII, thúc giục đảng GiaTô bỏ phiếu cho Hitler trong cuộc bầu cử sau cùng, trước khi đảng quốc xã lên cầm quyền. Đối với giáo hoàng thì bất cứ những sự tàn bạo nào của một chính quyền đối với nhân loại cũng không thành vấn đề chừng nào mà chính quyền đó đủ khôn ngoan để cho giáo hoàng giữ được quyền lực. Khi Ante Pavelich dựng lên một quốc gia GiaTô Croatia và giết hại trên 600.000 người, hầu hết là những người thuộc Chính Thống giáo chống đối sự thống trị của Pavelich thì Giáo hội GiaTô giữ yên lặng." (The effort to stamp out any opposition to the popes and their obsession with maintaining the rule of the Catholic Church has continued down through the ages. In this century, however, it has been more of a rear guard action, with the Church seeking to protect its dwindling authority by making alliances with whoever would serve its interests. The collaboration of the popes with fascist governments in Europe and South America shows the shameful extremes the popes have been willing to go to, to preserve their position. The Church opposed the Mexican war of independence and excommunicated its leaders. Later the Church fought the establishment of the federal republic system and vigorously protested the inclusion of the principle of religious freedom in the Mexican constitution. In 1930 the constitutional government was toppled in Argentina and a fascist dictatorship established, complete with martial law. Since the new regime proclaimed its allegiance to Catholicism, it was quickly supported by the Church. In 1936 the pope was eager to ally himself with Spain's fascist dictator Francisco Franco in his effort to squash the Spanish rebellion. As its reward the Catholic Church was established as the state religion. (With the approval of a democratic constitution in 1978 after the dictator's death the Church lost this privilege.) The Franco deal, however, was merely an aside to the role the Church would play in the rise of consolidation of power of Hitler and Mussolini, a role the popes would like us all to forget. Pope Pius XI signed a concordat and the Lateran Treaty with Mussolini in 1929, and called him "the man sent by Providence." Four years later, Papal Nuncio Monsignor Pacelli, who was soon to become Pius XII, urged the Catholic Party to vote for Hitler in the last German election prior to the Nazi takeover. It made no difference what atrocities a government committed against humankind as long as it was shrewd enough to let the pope retain his titular authority. When Ante Pavelich set up the Catholic state of Croatia and slaughtered 600,000 persons, primarily those belonging to the Orthodox Church who opposed his rule, the Catholic Church was mute.) Không những Giáo hội Gia Tô yên lặng trước hành động tàn bạo giết người như trên của một chính quyền Gia Tô đối với những người khác tín ngưỡng, mà gần đây, tháng 10, 1998, Giáo hoàng John Paul II còn tôn vinh, sửa soạn phong Thánh cho Hồng Y Aloysius Stepinac, người có liên hệ mật thiết với chính quyền Gia Tô độc tài ở Croatia trong kỳ Đệ Nhị Thế Chiến. Lý do tôn vinh? Ông Hồng Y này đã từng cộng tác chặt chẽ với phát xít Đức để chống Cộng sản. Sự tôn vinh được màu sắc chính trị này, cũng như cuộc viếng thăm Croatia trước đây của John Paul II, chứng tỏ Tòa Thánh đứng hẳn về phe Gia Tô Giáo trong cuộc nội chiến đang tiếp diễn ở Bosnia, đã khiến cho báo chí thế giới lên tiếng phê bình, chỉ trích. Trong báo Chicago Tribune ngày 17 tháng 10, 1998, dưới đầu đề Linh chiến, không phải là Thánh (Soldier, not Saint), Jim Mantice viết như sau: "Tôi bảo đảm với quý vị rằng có nhiều bằng chứng về sự hợp tác chặt chẽ giữa Stepinac và Đức Quốc xã, thí dụ như: - Do sự bổ nhiệm của Giáo hoàng Pius XII, Stepinac là Tuyên úy danh dự của đoàn quân Ustache, đoàn quân này được đặt dưới quyền chỉ huy của Đức quốc xã. - Stepinac được ban huân chương Đại Thánh Giá và Sao, một mẻ đay của Ustache mà ông thường hãnh diện đeo trong những cuộc tụ họp của Đức quốc xã. - Hàng trăm linh mục dòng Francis, nằm trong quyền hạn và xét xử của Stepinac, là nhân viên cao cấp trong nhiều trại tập trung ở Croatia." (I assure you that much more telling evidence tying

Stepinac to the Nazis. For example: - By appointment of Pope Pius XII, Stepinac served as honorary chaplain of the Ustache army, which was under Nazi command. - Stepinac was awarded the Grand Cross and Star, a Ustashe medal he proudly displayed at Nazi rallies. - Hundreds of Franciscan priests, under Stepinac's jurisdiction, staffed many of Croatia's concentration camps.)

Tưởng chúng ta cũng nên biết, Ustasha là một tổ chức khủng bố do một số trong hàng giáo phẩm Gia Tô ở Croatia cầm đầu, gồm có cả Hồng Y, Giám mục, Linh mục. Tổ chức này đã tàn sát hơn 600.000 dân Serb (theo Chính Thống Giáo), dân Do Thái và Gypsies, và Vatican có liên hệ mật thiết với tổ chức này. (Chicago Tribune, July 23, 1997, Associated Press: "Ustashes who controlled Croatia during the war exterminated hundreds of thousands of Serbs, Jews and Gypsies and historians have denounced the Vatican for maintaining ties to the regime led by Ante Palevich). Một nhân vật có "thành tích" như vậy mà được tôn vinh để sửa soạn phong Thánh thì chuyện phong 117 Thánh ở Việt Nam cũng chẳng lấy chi làm lạ. Quý độc giả nào muốn biết thêm về nhân vật Stepinac xin đọc cuốn Lò Thiêu Sống Của Vatican (The Vatican's Holocaust) của Avro Manhattan, trong đó có hình ảnh Stepinac, khi đó còn là Tổng Giám Mục, ngồi cạnh những lãnh tụ Đức quốc xã, cùng hình ảnh linh mục cắt cổ dân Serb, hoặc dồn một đám đông dân Serb vào trong giáo đường của họ rồi thiêu sống tập thể... Sau đây, tôi xin trích dẫn thêm một tài liệu, nói về vai trò của giáo hội trong lịch sử Việt Nam cận đại (Daleiden, Ibid., trg. 62): "Spellman là người chủ chốt của giáo hoàng làm cho Mỹ tham chiến sâu đậm ở Việt Nam. Theo một bức thư chính thức của Vatican, giáo hoàng "dùng Spellman để khuyến khích Mỹ tham chiến ở Việt Nam." Mọi viện trợ nhân đạo cho miền Nam đều đi qua các cơ sở của giáo hội Gia Tô và chỉ có những người Gia Tô là được Diệm bổ nhiệm vào trong chính phủ. Tuy rằng những chính sách như vậy đưa đến việc cải đạo hàng loạt, số tín đồ Gia Tô chỉ chiếm vào khoảng từ 12 tới 13 phần trăm của dân số miền Nam. Không lạ lùng gì mà khối đa số Phật Giáo bất bình đưa đến việc công khai chống đối chính sách của Diệm. Tình trạng ngày càng suy kém, Diệm đã dùng đến biện pháp bắt giữ hàng loạt, đàn áp Phật tử, đóng cửa chùa chiền và tu viện. Qua kinh nghiệm quá khứ, Giáo hội chắc hẳn đã biết rằng sự đàn áp chỉ làm cho lý tưởng mạnh hơn. Trước sự quan sát kinh hoàng của thế giới, giới Phật tử đã phải dùng tới hành động chống đối tiêu cực rất ráo và nhiều tăng sĩ đã tự thiêu. Trong những khoảng thời gian đáng sợ đó, tôi, một tín đồ GiaTô, không nhớ có một lời chỉ trích chính sách của Diệm từ một linh mục hay giám mục GiaTô nào. Tuy nhiên, sự việc đã lên quá mức đối với Tổng Thống John Kennedy, ông ta thôi không ủng hộ Diệm nữa. Ít lâu sau đó Diệm bị hành quyết trong một cuộc lật đổ chính quyền. Qua cái diễn tiến kinh khủng này vai trò của giáo hội đã theo đúng cái tiến trình lịch sử nhor nhóp của giáo hội." (Spellman was the papal point man to lead America into deeper involvement in Vietnam. According to a Vatican official letter, the pope "turned to Spellman to encourage American commitment to Vietnam." All US relief to the South was funneled through the Catholic Church's agencies and only Catholics were appointed to government positions by Diem. Although these policies resulted in a wave of conversions, Catholics still made up only about 12 to 13 percent of the South Vietnamese population. Not surprisingly, the resentment among the Buddhist majority soon resulted in their open resistance to Diem's policies. As the situation deteriorated, Diem resorted to mass arrests and suppression of the Buddhists, closing shrines and monasteries. As the Church should have known from its own early experience, persecution can only strengthen a cause. As a horrified world watched, the Buddhists resorted to the ultimate act of passive resistance and several monks set themselves ablaze. During these terrible times, when I, too, was a Catholic, I don't recall one word of criticism of Diem's policies from a Catholic priest or bishop. However, it finally became too much for President John Kennedy, who withdrew US support for Diem. Diem was soon executed in a coup. Throughout this dreadful ordeal the role of the Church followed true to the course of its sordid history.)

Qua những tài liệu lịch sử sơ lược kể trên, có thể nào chúng ta tin được lời tuyên truyền của Giáo hội về hình ảnh "Thánh thiện" của Giáo hội hay không? Lịch sử đã chứng minh rằng, những điều mà Giáo hội tuyên truyền là xuất phát từ Kí Tô Giáo như nền văn minh Tây phương, ý niệm về tự do, nhân quyền v.v.. lại chính là những điều mà giáo hội chống đối và giết giải quán quân về vi phạm. Sau đây tôi xin đi vào chi tiết của vài điểm tự nhận của Giáo hội và chứng minh rằng những điểm tự nhận này chỉ là những lời tuyên truyền hoàn toàn sai với sự thực của giáo hội trong sách lược lừa dối giáo dân.

6.1. Giáo hội và nền văn minh Âu Mỹ.

Giáo hoàng và giáo hội luôn luôn nhập nhằng lấy cái nền văn minh Âu Mỹ làm nền văn minh KíTô. Giáo hoàng John Paul II phát biểu là "Một nền văn minh xứng đáng với con người phải là nền văn minh KíTô." Hồng Y Spellman khi sang Việt Nam ủy lạo binh sĩ Mỹ cũng khẳng định họ "đang chiến đấu để bảo vệ nền văn minh KíTô Tây phương." Chúng ta đã thấy những chính sách đốt sách vở của GiaTô giáo, chính sách tiêu diệt các nền văn hóa

của thầy trưởng, chính sách của thầy trưởng và của các giáo sư, chính sách của các học sinh và học địa phương, giết người ngoại đạo, bách hại dân Do Thái, và đàn áp các khoa học gia vì những khám phá của họ ngược với Thánh Kinh v.v.v.. Vậy nền văn minh Kitô là nền văn minh nào, có phải là nền văn minh hiện thời không? Có bao nhiêu khoa học gia, tư tưởng gia, triết gia tuyệt đối tin vào KITô giáo đã đóng góp cho nền văn minh hiện đại và đóng góp những gì? Hay là nền văn minh hiện đại bắt nguồn từ Galilei rồi phát triển qua những khoa học gia, tư tưởng gia mà giáo hội đã không còn quyền hành để thiêu sống hay bắt giam nữa. Chúng ta cũng đã biết, khi Giáo hội Gia Tô La Mã nắm quyền thống trị ở Âu Châu thì đã kéo bức màn "man rợ và đen tối trí thức" phủ lên Âu Châu trong 10 thế kỷ. Sau thời đại hắc ám này, chúng ta thấy xuất hiện ở Âu Châu những thời đại Phục sinh (Renaissance), thời đại Khai sáng (the age of Enlightenment), thời đại lý trí (the age of reason), thời đại cách mạng khoa học (the age of scientific revolution), thời đại phân tích (the age of analysis), thời đại kỹ nghệ (the industrial age) v.v.v.. Tất cả những thời đại này lập thành nền văn minh hiện nay của Tây phương, và lịch sử đã chứng minh rằng, Giáo hội Gia Tô đã hết sức ngăn chặn sự phát triển trí thức của nhân loại này nhưng đã hoàn toàn thất bại. Các đại tư tưởng gia Tây phương như Voltaire, Montesquieu, Rousseau, Victor Hugo, Thomas Paine v.v.v.. là những người đi tiên phong trong vấn đề cải cách xã hội, đề xướng quyền tự do và nhân quyền của con người. Tác phẩm của họ đều bị Giáo hội giam chặt trong cái gọi là "danh sách những tác phẩm cấm tín đồ đọc" (Index of banned books). Những khoa học gia tiên phong của cuộc cách mạng khoa học như Copernicus, Kepler, Bruno, Galileo v.v.v.. đều bị Giáo hội dùng "bạo quyền thắng sự thật" giam cầm hoặc thiêu sống. Vậy, có thể tin được chăng, nền văn minh Tây phương là nền văn minh Ki Tô? Có lẽ chúng ta nên duyệt qua vài tài liệu lịch sử để thấy thực chất của Gia Tô La Mã Giáo trong nền văn minh Tây phương như thế nào. Trước hết, chúng ta cần biết là nền văn minh Âu Mỹ được xây dựng trên những tư tưởng khai phóng về những quyền tự do căn bản của con người như tự do tín ngưỡng, tự do suy tư v.v.v., những quyền mà giáo hội luôn luôn chống đối, và những thành quả khoa học với kết quả làm tăng mức sống thoải mái của con người. Giáo hội đã góp được những phần nào trong sự tiến bộ của con người qua các thời đại? Hàng giáo phẩm Gia Tô, với nhiệm vụ chặn dất tín đồ, đã làm những gì để mở mang đầu óc của những tín đồ ngoài một số tác phẩm về Thần học mà mục đích chỉ để bảo vệ các tín lý giáo hội đưa ra, giữ tín đồ trong vòng mê tín, ngu muội. Điều này chúng ta có thể thấy rõ khi khảo sát về thực chất đào tạo những cán bộ lãnh đạo Gia Tô Giáo, các linh mục, giám mục, của Giáo hội Gia Tô, và từ đó suy ra sự đóng góp của họ trong nền văn minh Âu Mỹ. Linh Mục Joseph McCabe mô tả về sự đào tạo linh mục vào khoảng đầu thế kỷ 20 trong cuốn Sự Thực về Giáo Hội Gia Tô (The Truth About The Catholic Church, trang 89-90) như sau: "Các linh mục được tuyển mộ khi còn rất trẻ tuổi, và thường được tuyển trong giới ít học. Trong mọi quốc gia, hiện nay giáo hội gặp khó khăn trong việc tuyển mộ những người xứng đáng, và do đó phải hạ thấp nhiều tiêu chuẩn về khả năng. Như là một quy luật, được chọn vào làm nghề linh mục là những thanh niên trẻ, đối với họ việc tấn phong linh mục có nghĩa là được thăng lên một địa vị và uy tín mà với những khả năng của họ, họ không thể đạt được ở ngoài đời. Điều này đặt cái gánh nặng đào tạo họ hầu như hoàn toàn vào trong tay giáo hội, và sở học của họ thường rất nghèo nàn. Rất ít linh mục đọc được những tác phẩm của những tác giả viết bằng tiếng La Tinh (trừ Ceasar), hay là hiểu Horace, Tacitus, hay Juvenal. Về tiếng Hi Lạp, như là một quy luật, họ chỉ có một kiến thức sơ đẳng mà họ thường quên ngay. Về khoa học, lịch sử, và triết lý, theo cái nghĩa hiện đại, như là một quy luật, họ không có một kiến thức nào. Khoa học được dạy trong một số rất ít các trường huấn luyện Linh mục và cũng chỉ ở trình độ sơ đẳng và trong một thời gian ngắn. Sử học được trình bày trong vài bài về lịch sử Ca Tô, do các tác giả Ca Tô viết. Về khoa học và sử học, tôi không được học một bài nào trong suốt thời gian đào tạo, và, như tôi đã nói, cái "triết học" mà tôi học được chỉ liên hệ đến triết học hiện đại một cách ít ỏi như là sự liên hệ của khoa chiêm tinh học với thiên văn học. Cái nền giáo dục mà giáo hội ban cho tôi đã được chứng tỏ rõ ràng khi tôi "trở lại đời". Tôi không thể kiếm được một chân dạy học với đồng lương 10 đô la một tuần. Ông Forbes, bạn tôi, sau khi khảo sát kiến thức của tôi, rất tiếc mà bảo tôi rằng, sở học của tôi thật là vô dụng. 3 Linh mục đồng nghiệp của tôi lặng lẽ bỏ giáo hội ra kiếm sống ở ngoài đời. Cả 3 đều thất bại và phải quay trở lại giáo hội. Giáo hội chắc chắn là có nhiều linh mục như vậy." (Recruits are now sought at a very early age, and usually from the less educated class...The Church now, in all countries, has a difficulty in securing the proper type of recruits, and the theoretical qualifications have to be considerably lowered. As a rule, the priesthood is recruited by the adoption of young boys to whom ordination means promotion to a position and prestige which their personal merits would not otherwise obtain for them. This casts the burden of their training almost entirely upon the Church, and their education is generally very poor. Many few priests could read any Latin

Church, and their education is generally very poor. Very few priests could read any Latin author (except Ceasar) at sight, or make much sense of Horace, Tacitus, or Juvenal. Of Greek they have, as a rule, received only an elementary knowledge, which they soon forget. Of science, history, and philosophy, in the modern sense, they, as a rule, know nothing. Science is taught in very few training-colleges for the clergy, and then only in the most elementary form and for a very short time. History is represented only by a few lessons, from Catholic writers, on Church history... In science and history I did not receive one single lesson in the whole course of my training; and, as I said, my "philosophy" had as little relation to modern philosophy as astrology has to astronomy. The value of the education given to me in the Church was made plain the moment I returned to "the world"...I could not get a position as a teacher at ten dollars a week. My friend Mr. Forbes, regretfully told me, after a short examination, that my "education" was quite useless...Three of my colleagues secretly left the Church and tried to earn their living. Each failed, and had to return..The Church must have a high proportion of such men.)

Linh Mục James Kavanaugh, trong cuốn Một Linh Mục Hiện Đại Nhận Xét về Giáo Hội Lỗi Thời Của Ông (A Modern Priest Looks at His Outdated Church", trg. 20-21), có kể về sự huấn luyện các linh mục như sau: "Sau Trung học tôi theo học 4 năm cho đến khi tôi được nhận là có đủ khả năng làm Linh mục. Trong học trình của tôi, rất hiếm khi bàn đến những nghi vấn hay quan niệm mà thường là hoặc trắng hoặc đen. Thí dụ như, trong môn triết học, chúng tôi học qua Berkeley, Hume, và Kant chỉ trong vòng 1 tuần lễ..Chúng tôi phải học thuộc lòng từng mỗi đề luận và định nghĩa và chứng minh rằng "lý trí" chỉ có thể dẫn một người lương thiện đến niềm tin. Chúng tôi là những người chân thật duy nhất vì chúng tôi đã bênh vực bằng "lý trí" tất cả những giáo lý về đạo đức của giáo hội. Giáo hội Gia Tô chống ly dị và kiểm soát sinh đẻ, chống tự do ngôn luận và tự do tư tưởng, chống sự giải thoát con người khỏi những cơn đau đớn, chống ngoại tình, tất cả đều là những kết luận hiển nhiên của một "lý trí" không bị che mờ bởi ham muốn và lòng kiêu hãnh. Sự hiện hữu của hàng triệu người "không có lý trí" có vẻ như là không quan trọng đối với giáo hội... Đó là một nền giáo dục không có sự đồng tình, một sự huấn luyện không có sự giúp đỡ. Tôi nghe những gì họ muốn tôi nghe, và nói những gì ban giám đốc mong muốn tôi nói như vậy. Người nào chống đối thì bị gạt ra ngoài. Chỉ có những người phục tùng luật lệ, hay những kẻ ngây thơ, tiêu cực mới tồn tại. Sáng kiến không được khuyến khích trừ phi đi theo đường lối đã được chấp nhận. "Tà đạo" là danh từ để chấm dứt mọi luận cứ, và "Giáo hội dạy rằng" là nghị trình nhỏ hẹp của mọi tranh luận. Tôi không được giáo dục mà được nặn thành. Tôi không được khuyến khích suy nghĩ mà chỉ được huấn luyện để bênh vực giáo hội. Người ta không muốn tôi suy tư mà chỉ muốn tôi học thuộc lòng. Chúa ơi! Tôi đã trở thành cái gì? Người đòi hỏi tôi dẫn dắt con chiên với sự yếu kém của xác thịt tôi, phục vụ những người đang vật lộn với tội lỗi, và tôi đã trở nên một người cứng rắn và thoải mái trong sự phục vụ chính mình. Tôi không phải là "một đáng Ki Tô khác", (Giáo lý Gia Tô nhét vào đầu những tín đồ có đầu mà không có óc cái giáo lý giáo hội bịa ra để ngụy trị trên đám tín đồ là: "Cha cũng như Chúa". Chẳng thế mà gần đây ở trong nước, trước những lời than phiền của giáo dân về sự bê bối của các Cha thì có ông Giám mục răn rằng: "Các con đừng có nói hành các Cha mà mắc tội với Chúa." (xin đọc bức thư ngỏ của LM Nguyễn Hữu Trọng gửi Giáo Hoàng và Hồng Y Phan Đình Tụng, đăng trong cuốn Tại Sao Không Theo Đạo Chúa, Tập 2; TCN)) và tôi cũng không hẳn là một con người. Tôi chỉ là một tù nhân, một mẫu mực được tổng hợp, một kẻ bênh vực cho một quá khứ mệt mỏi. Chúa ơi! Nếu tôi sẽ trở thành một linh mục thì trước hết hãy để cho tôi làm một con người đã. Đừng bắt tôi phải trốn đằng sau cái cô áo thầy tu, chức tước, cái bề ngoài giả dối của tôi. Đừng bắt tôi phải đưa ra những câu trả lời mà chính tôi không còn tin, hoặc bắt tôi phải đúc nặn giáo dân thành những người không có nhân tính và những người đàn độn chỉ biết tuân phục. Hãy để cho họ biết đến những nghi vấn do chính miệng tôi nói ra, và hãy để cho họ nói ra những nghi vấn của họ một cách thật thà. Đừng để cho tôi trói buộc họ vào giáo luật và địa ngục, hoặc làm họ sợ hãi với những câu chuyện về cái chết bất ngờ..." (I studied four years after college until I was declared ready to be a priest. My studies spoke seldom of doubts or opinions and most frequently of blacks and whites.. In philosophy, for example, we could handle Berkeley, Hume, and Kant in a single week... We memorized each thesis and definition and proved that "reason" could only lead an honest man to faith. We were the only honest men as we defended by "reason" all the moral teachings of the Church. Catholic opposition to divorce and birth control, to freedom of speech and thought, to mercy killing and adultery were all the obvious conclusions of a "reason" unclouded by passion and pride. It did not seem important that there were millions of "unreasonable" men...It was an education without sympathy, a training without recourse. I heard what I was supposed to hear, and said what the administration expected me to say. Rebels were weeded out. Only the

strong and legal-minded, or the naive and passive, could last. Creativity was discouraged unless it pursued the accepted patterns which cautious minds approved. "heresy" was a word which ended every argument, and "the Church teaches" was the narrow outline of every debate. I was not educated, I was formed. I was not encouraged to think, but trained to defend. I was not asked to reflect, but to memorize. ...My God! What have I become? You asked me to minister with the weakness of my flesh, to serve the struggling sinner, and I have grown rigid and comfortable in the service of myself. I am not "another Christ," I am not even a man, I am only a prisoner, a synthetic paragon, a defender of the tired past. O God! If I am to be a priest, first let me be a man. Do not let me hide behind my collar, my titles, my false front. Do not make me give answers I do not believe, nor mold men into impersonal and uncomplaining dolts. Let them know my doubts from my own lips, and let them tell me honestly of theirs. Let me not bind them with law and hell, nor frighten them with tales of unexpected death...) Linh Mục Emmett McLoughlin mô tả thực chất giáo dục Gia Tô trong việc đào tạo Linh mục như sau, trong cuốn Văn Hóa Mỹ và các Trường Học Gia Tô (American Culture and Catholic Schools, trg. 36 -37): "Tôi không được học để suy nghĩ. Từ những năm của thời thơ ấu qua thời kỳ thiếu niên bồng bột (trong nhà Dòng) cho đến khi thành người lớn, đầu óc tôi bị đúc trong một mô thức trí thức cũng như là được đúc trong bê tông. Sự tiếp cận khoa học của tôi trong 21 năm là một cửa về vật lý sơ đẳng. Trong 12 năm, tôi chẳng học được gì về văn học nổi tiếng của hoàn cầu. Những ánh sáng trí thức này được giam chặt trong Danh Sách Những Cuốn Sách Cấm Đọc của Giáo hội. Nói ngắn gọn - tôi không được giáo dục - tôi chỉ bị tẩy não. Tôi đã đạt đến trình độ khô cứng của sự hiểu biết trí thức xoàng xĩnh. Tôi đã trở nên một người máy, một linh mục với những lễ nghi thiêng liêng không rõ ràng, vô nghĩa ở sự hiệu quả của chúng cũng như là những bài ca của các thầy Pháp Haiti. Tôi là một kỹ thuật viên của giáo hội được huấn luyện để đúc nặn những bộ óc trẻ, dễ uốn nắn... " (I did not learn to think. As the years of childhood slipped through a frustrated adolescence (in the seminary) into the days that were supposed to be those of manhood, my mind was molded in an intellectual pattern as effectively as though it had been cast in concrete. The closest approach to science that I experienced in those 21 years was that a non-laboratory course in elemental physics...Of the world's really great literature, in 12 years I learned practically nothing. Its greatest lights were locked in the prison of the Index of Forbidden Books. In short, I was not educated. I was merely indoctrinated. I had achieved the level of the rigor mortis of intellectual mediocrity. I had become an automaton, a priest of sacred, half known rites as meaningless in the efficacy as the chants of a Puerto Rican woodoo priest. I was an ecclesiastical technician trained to mold other young, pliable minds...) Kiến thức của các giám mục, linh mục cũng được Linh Mục Trương Bá Cần nhận định như sau trong cuốn Nguyễn Trường Tộ: Con Người Và Di Thảo: "Về Tây học, thì ông (Nguyễn Trường Tộ) quả có được các linh mục thừa sai và, đặc biệt, Giám mục Gauthier dạy cho tiếng Pháp và truyền đạt một số kiến thức khoa học, chỉ có thể là, rất phổ thông...vì các thừa sai thuộc Hội Truyền Giáo Nước Ngoài (MEP) tuyệt đại bộ phận chỉ học xong chương trình phổ thông, rồi vào các đại chủng viện học làm linh mục để gởi đến các nước truyền đạo". Từ những tài liệu trên, viết bởi các linh mục, chúng ta thấy rằng, mục đích đào tạo các linh mục là biến họ thành những cái loa phóng thanh của Tòa Thánh Vatican, chứ không phải để mở mang đầu óc con người, mà trái lại để tẩy não, gò bó đầu óc con người theo một chiều hướng nhất định và do đó, những linh mục sau khi tốt nghiệp cũng giống như những con ngựa bị che mắt, chỉ biết đi theo một hướng nhất định. Cái hướng nhất định này là dùng mọi thủ đoạn để thu nhặt tín đồ, vơ vét của cải thế gian, và bảo vệ những tín lý của Gia Tô Giáo qua những luận cứ Thần học mập mờ, ngoài khả năng phán đoán của đa số tín đồ ít học. Với phương cách giáo dục như vậy, các linh mục khó có thể rời bỏ giáo hội vì kiến thức của họ không thể dùng được ở ngoài đời. Địa vị, uy tín, và đời sống thoải mái về vật chất trong sự kính trọng, quy lụy của giáo dân cũng là những yếu tố quan trọng để ngăn linh mục bỏ giáo hội. Phương cách huấn luyện và nắm giữ linh mục như trên đã tạo ra một mẫu người nô lệ giáo điều, giáo hoàng và tòa Thánh một cách hết sức mù quáng. Và chính giới linh mục này đã góp phần không nhỏ trong việc uốn nắn đầu óc tín đồ theo chủ trương của giáo hội, dù trong thâm tâm có thể có nhiều vị không tin ngay cả những điều mình rao truyền cho đám tín đồ kém hiểu biết. Tuy nhiên, không phải tất cả những linh mục được đào tạo như trên đều cam tâm tự nguyện làm nô lệ cho Tòa Thánh suốt đời. Nhiều vị, qua sự học hỏi cá nhân, vượt ra ngoài khuôn phép "Giáo hội dạy rằng", đã thấy rõ thực chất của tôn giáo và Giáo hội của mình, và đã dũng cảm thoát ra khỏi cái mà Tiến sĩ Barnado gọi là Bóng Tối Dày Đặc của Ý Thức Hệ La Mã (The Thick Darkness of Romanism), và cho ra những tác phẩm soi sáng sự thật cho nhân loại. Chính họ là những người biết rõ bản chất của Giáo hội và thực chất của những giáo điều, tín lý trong Gia Tô Giáo La Mã hơn ai hết

chất của Giáo hội và thực chất của những giáo điều, tín lý trong Gia Tô Giáo La Mã nơi ai nấy, và nhờ những tác phẩm nghiên cứu nghiêm túc, cộng với những suy tư trí thức của họ, mà ngày nay chúng ta có thể biết rõ sự thực về mọi khía cạnh của đạo Gia Tô. Những tác phẩm của Tổng Giám Mục Peter de Rosa, của Giám Mục John Shelby Spong, của các Linh mục Jean Mesnier, Joseph McCabe, Emmett McLoughlin, James Kavanaugh, Andrew M. Greeley, David Rice, Leonardo Boff, Ernie Bringas, Georges Las Vergnas Charles Davis v...v... cũng đủ để cho chúng ta biết khá tường tận về đạo Gia Tô, khoan kể đến những tác phẩm nghiên cứu của các nhà Thần học Hans Kung, Edwards Schillebeeckx v...v..., và của hàng trăm học giả, giáo sư đại học, chuyên gia nghiên cứu về tôn giáo. Đã đành rằng, trong hàng giáo phẩm Gia Tô cũng có những vị đóng góp cho nền văn minh Âu Mỹ qua những công cuộc khảo cứu về khoa học và xã hội nhưng số này quả thật hiếm hoi, và Giáo hội đã hoặc khai trừ họ, hoặc thiêu sống họ (Bruno), vì những đóng góp của họ không phù hợp với những giáo điều Gia Tô, cho nên phải nói rằng, nền văn minh Âu Mỹ không phải là nền văn minh Ki Tô như Giáo hội thường nhập nhằng tự nhận. Vài tài liệu sau đây sẽ chứng tỏ điều trên. Trước hết, chúng ta hãy tìm hiểu về cuộc cách mạng khoa học ở Âu châu, khởi điểm của nền văn minh Âu Mỹ hiện đại. Cuộc cách mạng khoa-học ở Tây phương phát khởi từ thế kỷ thứ 16, phát triển mạnh trong thế kỷ thứ 17, mở đầu bằng những công trình khảo cứu và tư tưởng của Nicolaus Copernicus (1473-1543), Giordano Bruno (1548-1600), Galileo Galilei (1564-1642), Johannes Kepler (1571-1630) v...v... Người ta gọi đó là 1 cuộc cách mạng khoa học, bởi vì nhờ đó mà Tây phương thoát ra khỏi cảnh tăm tối đã kéo dài gần 1000 năm, từ năm 476 tới năm 1473. Thời gian này thường được gọi là thời Trung Cổ và cũng còn được gọi là thời kỳ đen tối hay thời kỳ hắc ám (Dark Ages). Chính trong khoảng thời gian này, Tây phương đã bị thống trị bởi một ý thức hệ tôn giáo độc tôn. Những giáo điều, tín lý của Gia Tô La Mã Giáo cộng với quyền hành của hàng giáo phẩm Gia Tô ở địa vị nắm quyền, hay liên kết với những chính quyền đương thời, đã ngăn chặn sự phát triển khoa học và tự do tư tưởng của con người. Mọi khám phá khoa học, mọi tư tưởng trái ngược với Thánh Kinh đều bị lên án là "tà đạo" (heretics), phải diệt trừ. Do đó, cũng chính trong khoảng thời gian này, Tây phương phải chịu đựng, như chúng ta đã biết, 8 cuộc Thánh Chiến (Crusades) và hàng trăm ngàn các vụ xử án dị giáo (Inquisitions), với kết quả là nhiều triệu người gồm già, trẻ, lớn, bé, trai, gái đã bỏ mạng vì, hoặc bị tàn sát, có khi tập thể; hoặc bị tra tấn bởi những dụng cụ tra tấn kinh khủng nhất trong lịch sử nhân loại; hoặc bị treo cổ, hoặc bị thiêu sống v...v..., tất cả chỉ vì họ không chấp nhận hay có những tư tưởng ngược với Thánh Kinh. Cuộc cách mạng khoa học đã gây nên hai ảnh hưởng to lớn trong giới khoa học và ngoài xã hội dân gian. Trong giới khoa học, đó là khởi điểm của các tiến bộ khoa học về sau. Trong xã hội đại chúng, đó là khởi điểm của sự đập đổ nền độc tài tôn giáo và những giáo điều lỗi thời, vì những khám phá khoa học mới đã có tác dụng mở mang dân trí, điển hình là cuộc cách mạng năm 1789 tại Pháp mà kết quả là tước bỏ quyền hành của giới lãnh đạo tôn giáo trong quần chúng. Muốn hiểu rõ những điều này, có lẽ chúng ta nên duyệt sơ sự diễn tiến của cuộc cách mạng khoa học, một cuộc cách mạng vô tiền khoáng hậu trong lịch sử Tây phương được viết trong các sách giáo khoa mà bất cứ sinh viên đại học nào học về khoa học cũng phải biết. Trong thời Trung Cổ, tuy cũng có những tiến bộ về khoa học và toán học, nhưng về nhân chủng học và vũ trụ học, tất cả đều dựa trên Thánh Kinh, một cuốn sách tuy viết bởi nhiều người trong nhiều thế kỷ sau khi Chúa Giê-su bị đóng đinh trên thánh giá, được coi chính là lời của Thượng Đế, do đó không thể sai lầm. Theo sự đoan quyết của các nhà thần học Thiên Chúa Giáo, dựa trên Thánh Kinh, thì trái đất là trung tâm của vũ trụ. Mặt trời và các hành tinh khác đều do các thiên thần quay xung quanh trái đất. Trên trái đất là một vòm trời cứng bằng đồng thau để giữ nước ở phía trên và có những cánh cửa mở để nước rơi xuống thành mưa theo húng của Thượng Đế. Những sao trên trời là những ngọn đèn mà tối tối Thượng Đế mang ra treo. Vì là những lời của Thượng Đế trong Thánh Kinh nên sự giải thích trên không thể sai lầm. Bất cứ quan niệm nào không phù hợp với quan niệm trên đều bị coi là "tà thuyết" và, theo Thánh Philastre, đương nhiên "sai lầm đối với tín ngưỡng Gia-Tô" (Any other view, St. Philastrius declared "false to the Catholic faith" ("Science and Theology" by Andrew Dickson White)). Nhưng vào đầu thế kỷ 16, Nicolaus Copernicus, một nhà thiên văn người Ba Lan, đã đưa ra một khám phá mới: đó là, không phải là mặt trời và các hành tinh quay xung quanh trái đất, mà chính là trái đất và các hành tinh quay xung quanh mặt trời. Copernicus không dám phổ biến khám phá này như là một sự thực khoa học. Nhưng cuối cùng ông cũng xuất bản một cuốn sách là "Chuyển động quay của các thiên thể" (Revolutions of the Heavenly Bodies) trong đó có ghi những khám phá của ông. Cuốn sách vừa được xuất bản thì Copernicus qua đời. Trong phần đề tựa của cuốn sách, bạn của Copernicus là Osiander đã khéo léo trình bày công trình khảo cứu của Copernicus như là

một giả thuyết (hypothesis) hay là một nghịch lý (paradox). Do đó Tòa Thánh cũng làm ngơ và cho phép các nhà thần học thỉnh thoảng được bàn tới "giả thuyết" của Copernicus. Sự chống đối trong giới khoa học tuy có nhưng chỉ ngấm ngầm, không ai dám lên tiếng coi thuyết của Copernicus là một chân lý, vì sợ bị kết án là tà đạo. Tuy nhiên, có một triết gia thuộc loại "uy vũ bất năng khuất", đó là Giordano Bruno, một ông linh mục dòng Đa Minh người Ý. Bruno không những đồng ý với Copernicus mà còn táo bạo hơn, đưa ra quan niệm là ngoài thế giới chúng ta đang sống có thể còn có nhiều thế giới tương tự khác nữa. Điều này trái với lời của Thượng Đế trong Thánh Kinh: "Trái đất là trung tâm của thế giới duy nhất mà chúng ta đang sống." "Do đó, Bruno bị bắt giam trong 6 năm. Sau cùng, vì không chịu thay đổi quan niệm để được tự do, ông bị đưa ra tòa án xử dị giáo, kết án là có tội, tuyệt thông và bị tuyên án thiêu sống. Ông bị các Linh mục, những người được dạy phải yêu kẻ thù, dẫn từ nhà tù ra nơi hành hình. Ông bị cột vào một cọc xung quanh có chất củi. Rồi các Linh mục, tín đồ của Chúa Ki-Tô, châm lửa và thiêu sống vị Thánh tử đạo vĩ đại nhất, hoàn hảo nhất từ xưa tới nay." (He believed in a plurality of worlds, in the rotation of this, in the heliocentric theory. For these crimes, and for these alone, he was imprisoned for six years. He was offered his liberty, if he would recant. Bruno refused to stain his soul by denying what he believed to be true. He was tried, condemned, excommunicated and sentenced to be burned. He was taken from his cell by the priests, by those who loved their enemies, led to the place of execution..He was chained to a stake and about his body the wood was piled. Then priests, followers of Christ, lighted the fagots and flames consumed the greatest, the most perfect martyr, that ever suffered death. ("Ingersoll The Magnificent" By Joseph Lewis)). Năm 1616, kính thiên văn đầu tiên của Galilei đã làm cho vòm trời trong Thánh Kinh rớt ra từng mảng. Công cuộc khảo cứu của Galileo Galilei dựa trên sự quan sát thiên văn qua hàng loạt những kính thiên văn ngày càng tân kỳ hơn, đã thực chứng quan niệm của Bruno và đồng thời khẳng định thuyết của Copernicus như là một chân lý khoa học. Chúng ta đã biết, năm 1633, dưới triều Giáo Hoàng Urban VIII, tòa án xử dị giáo đã buộc Galilei phải sửa đổi khám phá khoa học của ông cho phù hợp với Thánh Kinh, nghĩa là mặt trời quay xung quanh trái đất, và biệt giam ông tại nhà cho đến khi ông chết vào năm 1642. Vì trường hợp của Galileo đã nói lên phần nào tinh thần tôn trọng sự thật và bất khuất của các khoa học gia, và vì Galileo được coi như là người đã mở một kỷ nguyên mới cho nền khoa-học tân tiến Tây phương, nên tôi nghĩ kể lại vài dòng về trường hợp của ông cũng không phải là vô ích (B. S. Rajneesh, Linh Mục và Chính Trị Gia: Những Mafia của Linh Hồn (Priests and Politicians: Mafia of the Soul, trg. 27): "Năm 1633, khi Galileo, dựa trên những dữ kiện khoa học không thể phủ nhận, đoán quyết trong một cuốn sách khảo cứu thiên văn của ông rằng: không phải là mặt trời quay xung quanh trái đất mà chính là trái đất quay xung quanh mặt trời, thì ông bị kéo ra trước tòa án dị giáo của giáo hoàng Urban VIII. Khi đó ông đã già, gần chết. Giáo hoàng phán: "Trước khi chết, người hãy sửa lại điều trên vì nó ngược lại với thánh kinh. Bất cứ điều nào ngược với thánh kinh đều đương nhiên sai lầm, vì thánh kinh là lời của Thượng Đế. Galileo là một khoa học gia vĩ đại, dù đã 80 tuổi, sắp chết, nhưng vẫn còn đầy đủ óc khôi hài tuyệt vời. Ông nói: Không thành vấn đề, tôi sẽ sửa lại lời tôi viết, tôi sẽ viết lại trong sách của tôi đúng như lời Thượng Đế đã viết trong thánh kinh - nghĩa là mặt trời quay xung quanh trái đất. Nhưng có một điều tôi cần trình ngài rõ: cả trái đất lẫn mặt trời đều không đọc sách của tôi. Và sự thực thì, trái đất sẽ tiếp tục quay xung quanh mặt trời. Nếu ngài nhất định muốn biết tại sao thì tôi có đầy đủ bằng chứng. Tôi đã dùng cả đời tôi để nghiên cứu vấn đề này, và những người có đầu óc khoa học đều tuyệt đối đồng ý với sự khám phá của tôi. Trước sau gì rồi ngài cũng phải đồng ý vì không ai có thể chống lại sự thực lâu dài." (Galileo was a great scientist who, even at the age of eighty, when he was dying, had such a beautiful sense of humor. He said: There is no problem. I will change it; I will write in my book exactly what God has written in the bible - that the sun goes around the earth. But one thing I must make clear to you: neither the sun reads my book nor the earth reads my book. As far as reality is concerned, the earth will continue going around the sun. And why should you insist? Because I have every proof; I have devoted my whole life to the search, and all those who have a scientific mind are in absolute agreement with me. Sooner or later you will have to agree because one cannot remain against truth for long.) Tuy vậy Galileo vẫn bị buộc phải sửa đổi sự thực khoa học ông đã viết trong sách, bị kết án là "lạc đạo" và bị biệt giam tại nhà cho đến khi ông chết, năm 1642. Nhưng lời tiên đoán của ông đã thành sự thực, tuy hơi chậm. 359 năm sau, ngày 29 tháng 10 năm 1992, giáo hoàng John Paul II, tuyên bố vụ án Galileo là một sai lầm và phục hồi danh dự cho Galileo, sau khi một ủy ban gồm những bộ óc thượng thặng của toà thánh nghiên cứu trong 13 năm về vấn đề Galileo. 13 năm dùng để nghiên cứu một vấn đề mà đối với toàn thế giới đã rõ như bàn tay từ mấy trăm năm nay. 13 năm tiêu tốn không biết

ma dơi với toàn thể giới da rùa như ban ngày từ đây trăm năm nay, 15 năm đều lớn không biết bao nhiêu tiền của giáo dân đóng góp để kiểm ra một kẻ hồ hòng biện hộ cho Giáo hội trong vụ án Galilei nhưng không thành công, để cuối cùng phải thú nhận sự sai lầm của Giáo hội. Ngoài ra, cùng thời với Galilei còn có nhà thiên văn và toán học người Đức là Johannes Kepler. Không những Kepler đồng ý với Copernicus và Galilei mà ông còn đưa ra 3 định luật về cơ học các thiên thể (celestial mechanics) để mô tả một cách vô cùng chính xác sự chuyển động của các hành tinh, trong đó có trái đất, xung quanh mặt trời. Kepler cũng bị Tòa Thánh bắt bớ giam cầm trong nhiều năm, nhưng các khoa học gia khác như Descartes, Fermat, Newton v...v...tiếp tục phát minh ra những khám phá mới. Rút cục, giáo hội Gia Tô chỉ còn biết đưa ra sắc lệnh lên án các kết quả khảo cứu của Copernicus và Galilei là sai lầm thí dụ như: "Điểm thứ nhất, nói rằng mặt trời là trung tâm và không quay xung quanh trái đất, là điên rồ, vô nghĩa, sai lầm theo thần học, và là tà thuyết vì trái ngược hẳn với Thánh Kinh; và điểm thứ hai, nói rằng trái đất không phải là trung tâm mà lại quay xung quanh mặt trời, là vô nghĩa, sai lầm theo triết lý, và ít nhất từ quan điểm thần học, đối nghịch với chân tín ngưỡng" (The first proposition, that the sun is the centre and does not revolve about the earth, is foolish, absurd, false in theology, and heretical, because expressly contrary to the Holy Scriptures; and the second proposition, that the earth is not the centre but revolves about the sun, is absurd, false in philosophy, and from a theological point of view at least, opposed to the true faith. ("The Scientific Revolution" Edited by Vern L. Bullough.)) và cấm các giáo sĩ và con chiên đọc sách của Copernicus và Galilei. Lệnh cấm này kéo dài suốt 278 năm cho tới năm 1821 mới được Giáo Hoàng Pius VII thu hồi. Nhưng cấm thì cứ cấm, giới trí thức cùng người dân đọc thì vẫn cứ đọc. Dần dần quyền hành tôn giáo ở Âu Châu không còn địa vị độc tôn và giữ quyền sinh sát như trước nữa, vì cuộc cách mạng khoa học và các phát triển khoa học về sau trong mọi ngành, nhất là về vũ trụ học, nhân chủng học và di truyền học, và phương pháp định tuổi của vật chất bằng phóng xạ đồng vị Carbon v...v... đã làm sụp đổ tận gốc rễ thuyết sáng tạo trong Thánh Kinh, căn bản tín ngưỡng của Gia Tô giáo. Đó là ảnh hưởng trực tiếp to lớn của cuộc cách mạng khoa học trên xã hội Tây phương. Ngày nay, những người còn tin ở thuyết sáng tạo đều thuộc loại "tin là một cách sống, chết; không cần biết, không cần hiểu", hoặc thuộc loại, theo Linh mục Thiện Cẩm: "chỉ cần một bà lão Công giáo nhà quê, tin rằng Thiên Chúa là Đấng toàn năng, chính Người đã tạo dựng nên thế giới muôn loài ...cũng có dư khả năng để trả lời những thắc mắc của nhà học giả ...". Và có lẽ, nền văn minh Ki Tô là nền văn minh phát xuất từ những đầu óc như trên. Qua những tài liệu dẫn chứng ở trên chúng ta thấy rằng không có một nền văn minh nào xứng đáng với danh từ văn minh mà có thể gọi là nền văn minh KiTô. Sự nhập nhằng vơ nền văn minh Tây phương vào làm nền văn minh KiTô là sách lược quen thuộc của GiaTô giáo để khuyến dụ những người kém hiểu biết trong những quốc gia nghèo khổ, những người không hề biết gì về lịch sử cũng như bản chất của GiaTô LaMã giáo. Để có một nhận định chính xác hơn về mối tương quan giữa nền văn minh Âu Mỹ và KiTô giáo, chúng ta hãy đọc đoạn sau đây của John E. Remsburg trong cuốn "Những lời tự nhận sai sự thực" ("False Claims", trg. 16-17): "KiTô giáo có liên quan gì tới nền văn minh của dân tộc này? Chắc chắn là không; và nếu không có đám mây thiên kiến trước mắt họ, những tín đồ KiTô sẽ thấy rõ rằng KiTô giáo không tạo nên nền văn minh của chúng ta. Họ sẽ thấy rằng thay vì giáo hội văn minh hóa thế giới, chính cái thế giới duy lý trong nhiều thế kỷ đã từ từ văn minh hóa giáo hội. Chính ngay cái bản chất của KiTô giáo đã loại bỏ cái khả năng tiến bộ như là một nguyên lý tự hữu của tôn giáo này; và bất cứ có sự tiến bộ nào, ở trong hay ở ngoài giáo hội, đều do những nguyên nhân mà giáo hội không kiểm soát được. Giáo hội tự cho là nắm giữ chân lý, chân lý toàn diện, chỉ là chân lý. Mọi đề nghị thay đổi, mọi khám phá mới, đối với giáo hội là sai sự thực, và, do đó, giáo hội chống đối. Giả thử giáo hội thành một đế quốc trên toàn thế giới, mọi tiến bộ sẽ phải ngưng ngay lập tức. Những Huxley và Haeckels của chúng ta sẽ bị diệt trừ thẳng cánh, ngọn đuốc Lý Trí sẽ bị tắt ngấm, và cái lòng tin mù quáng sẽ là sự chỉ đạo duy nhất của chúng ta. Giáo hội đã cho ta những bằng chứng quyết định về sự thực này. Trong nhiều thế kỷ, quyền lực của giáo hội ở Âu Châu là cao nhất, nhưng ngay cả những văn sĩ KiTô cũng phải gọi những thế kỷ đó là thời đại đen tối. Chỉ khi chủ thuyết duy lý khai sinh, khi khoa học bắt đầu phát triển, và KiTô giáo bắt đầu suy thoái, nền văn minh hiện đại mới lộ dạng. Lecky nói rằng: "Trong hơn 3 thế kỷ, sự suy thoái của những ảnh hưởng thần học là một trong những dấu hiệu không thể chối cãi để đo sự tiến bộ của chúng ta." Carlyle nói rằng: "Kiến thức càng tăng, lòng tin càng giảm." Strauss nói rằng: "Thời Trung Cổ tín ngưỡng tôn giáo thì tỷ lệ thuận với sự ngu tối và man rợ. Tôn giáo và văn minh không ở cùng vị thế mà trái ngược đối với nhau, cho nên với sự văn minh tiến bộ, Ki Tô giáo phải lui." (Now did Christianity have aught to do with the civilization of this people ? Certainly not; and were it not for the cloud of

prejudice before his eyes, the Christians would clearly see that it did not produce our civilization. He would see that instead of the church having civilized the world, the Rationalistic world has for centuries been slowly civilizing the church. The very nature of Christianity--I mean orthodox Christianity - precludes the possibility of progression as an inherent principle of itself; and whatever progress has been made, either in the church or outside of it, must be attributed to causes over which she has had no control. The church claims to have the truth, the whole truth, and nothing but the truth. Every proposed change, every new discovery, is to her a perversion of truth, and, hence, she opposes it. Were the church to sweep to universal empire, all progress would at once cease. Our Huxleys and Haeckels would be summarily disposed of, the torch of Reason would be extinguished, and the ignis-fatuus of Faith would become our only guide. Of the truth of this she has herself given conclusive evidence. For centuries her power in Europe was supreme, and even Christian writers denommate these centuries the Dark Ages. Not until Rationalism was born, not until science commenced her career, and Christianity began to decay, did our modern civilization dawn. "For more than three centuries," says Lecky, "the decadence of theological influence has been one of the most invariable signs and measures of our progress." Says Carlyle, "Just in the ratio that knowledge increases, faith diminishes." "The Middle Ages were more religious than ours," says Strauss, "in proportion to their ignorance and barbarism. Religion and civilization accordingly occupy, not an equal, but an inverted position regarding each other, so that with the progress of civilization, religion retreats.") Để rồi thêm một tia sáng vào cái gọi là văn minh Kitô, chúng ta hãy đọc tiếp đoạn sau đây của Lloyd M. Graham (Ibid., trg. 448-449) về trí tuệ của các Thánh Kitô trong việc "mở mang đầu óc" và "văn minh hóa" con người: "Bất cứ người nào bị thống trị bởi tư tưởng tôn giáo đều bị đặt dưới ảnh hưởng của cái năng lực lý luận sai lầm. Đó chính là những nhà lập giáo Kitô làm lẫn. Ngày nay chúng ta vinh danh những kẻ không xứng đáng về lòng dũng cảm của họ mà không ý thức được cái tội ác mà họ đã phạm phải -- sự phá hủy hoàn toàn khoa học và triết lý cổ xưa. Điều này đưa đến 1500 năm đen tối, trong thời gian này dân Kitô không biết ngay cả quả đất tròn. Trong thời đại đen tối, sự tối tăm có tính cách toàn diện - một ảnh hưởng khó hiểu của cái gọi là "ánh sáng của thế giới." (Giáo Tô giáo vẫn tự cho là ánh sáng của thế giới; TCN) Bây giờ chúng ta hãy so sánh những khoa học gia Hi Lạp (Tác giả muốn nói đến Pythagoras (thuyết trái đất tròn và quay xung quanh mặt trời, thế kỷ - 6 (6 thế kỷ trước thời đại này)), Aristarchus (thuyết mặt trời là trung tâm vũ trụ, thế kỷ -3, mà 19 thế kỷ sau Copernicus khám phá ra), Eratosthenes (đo chu vi trái đất, thế kỷ -3), Hipparchus (kinh tuyến và vĩ tuyến, thế kỷ -2), Democritus và Leucippus (thuyết nguyên tử của vật chất, thế kỷ 5) với các Thánh Kitô. Đối với vài khoa học gia còn sống sót người ta nói như sau: "cái tên điên này muốn đảo ngược cả hệ thống thiên văn, nhưng Thánh kinh thiêng liêng dạy chúng ta rằng Joshua ra lệnh cho mặt trời đứng yên lại chứ không phải là trái đất." - và 1300 năm sau một giáo hoàng cũng ra sắc lệnh với cùng ý như vậy. Một luận cứ nổi tiếng khác là "trong ngày phán xét những người ở phía bên kia của trái đất không thể thấy được Chúa từ trên không xuống." Về sự chuyển động của trái đất, Thánh Augustine (cha đẻ của nền thần học Giáo Tô và được Giáo Tô giáo tôn sùng coi như là có trí tuệ siêu việt) nói như sau: "Không thể nào có chuyện có người ở phía bên kia của trái đất, vì Thánh kinh không ghi lại bất cứ một giống người nào như vậy trong các hậu duệ của Adam" (Như vậy là Thánh kinh không biết tới dân Việt Nam và lẽ dĩ nhiên không làm gì có chuyện cứu rỗi dân Việt Nam. TCN) Và linh mục Inghel nói như sau: "Quan niệm về sự chuyển động của trái đất là quan niệm tồi tệ nhất, nguy hại nhất, xúc phạm nhất trong những quan niệm dị giáo; sự bất động của trái đất là điều thiêng liêng gấp ba lần." Và Lactantius kết luận: "Không thể có chuyện con người tin một cách vô lý đến độ cho rằng mùa màng và cây cỏ ở phía bên kia của trái đất lại mọc chống đầu xuống và con người lại có chân cao hơn đầu." Làm sao chúng ta có thể áp dụng những lời trên vào con người đã thốt ra những lời đó. Ngày nay, chúng ta biết họ sai lầm về khoa học, nhưng chúng ta vẫn không biết họ sai lầm về thần học." (Anyone dominated by religious thought is under the influence of a reason-perverting power. Such were Christianity's Confounding Fathers. Today we honor these misbegotten for their courage without realizing the crime they committed--the complete destruction of ancient science and philosophy. This resulted in fifteen hundred years of darkness, in which the Christian people did not even know the earth is round. In the Dark Ages the 'blackout' was complete--a curious effect for "the light of the world." Now let us compare Greek scientists with Christian saints. Against some scientists still surviving one had this to say: "this fool wishes to reverse the entire system of astronomy; but sacred scripture tells us that Joshua commanded the sun to stand still and not the earth"--and some thirteen hundred years later a pope issued a bull to the same effect. Another famous argument was that "in the day of

later a pope issued a ban to the same effect. Another famous argument was that "in the day of judgment men on the other side of a globe could not see the Lord descending through the air." Concerning the earth's mo